

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TH NGUYỄN THỊ NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐ-NTN

Hóc Môn, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ CB-GV-NV trong Hội đồng giáo dục
Năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI

Căn cứ Quyết định số 5807/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của UBND Huyện Hóc Môn về việc thành lập Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được Quy định trong Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ vào thực tế nhu cầu công tác của nhà trường trong năm học 2023-2024;

Xét năng lực và khả năng công tác của CB-GV-NV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phân công nhiệm vụ cho CBQL-GV-NV trong Hội đồng giáo dục Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi năm học 2023-2024 (Bảng phân công nhiệm vụ đính kèm).

Điều 2. Cán bộ, giáo viên và nhân viên trong Hội đồng giáo dục nhà trường căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể được phân công có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện kế hoạch cho phù hợp với đặc thù công việc được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà) có tên nơi Điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- PGDĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Cao Minh Hải Bằng

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁN BỘ - GIÁO VIÊN - NHÂN VIÊN
Năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số 02-QĐ/NTN ngày 15 tháng 8 năm 2023 về việc phân công CB-GV-NV)

ST T	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Kiểm nhiệm	Lớp dạy
1	Cao Minh Hải Bằng (ĐV)	Hiệu trưởng Chịu trách nhiệm chung tất cả các hoạt động của nhà trường	Bí thư Chi bộ.	Đạo đức lớp 5 (2 tiết/tuần)
2	Nguyễn Thị Ngọc Sương (ĐV)	Phó HT Phụ trách về Chuyên môn	Công tác bán trú. Công tác bồi dưỡng đội ngũ. Công tác BDTX. Công tác GDHS khuyết tật. Công tác phổ biến GDPL. Quản lý hồ sơ Học vụ. Công tác thư viện, thiết bị. Cổng thông tin điện tử. Công tác báo cáo. Phụ trách các Hội thi tiếng Anh, Tin học, giải Toán,...	Tự nhiên và xã hội lớp 2 (4 tiết/tuần)
3	Đỗ Minh Khoa (ĐV)	Phó HT Phụ trách về Chuyên môn	Quản lý trang Web, cơ sở dữ liệu ngành. Cổng thông tin điện tử. Công tác Cơ sở vật chất. Công tác báo cáo. Phụ trách các Hội thi tiếng Anh, Tin học, giải Toán,... Quản lý giờ HS bán trú ngủ trưa.	Hoạt động trải nghiệm lớp 4 (4 tiết/tuần)
4	Nguyễn Duy Khánh (ĐV)	Tổng phụ trách Đội	Phụ trách hoạt động ngoại khóa. Hội thi giải Lê Quý Đôn trên báo nhi đồng	Dạy Thể dục lớp 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 (8 tiết)
5	Nguyễn Kim Nhật Minh	Phụ trách Kế Toán		
6	Nguyễn Thị Hồng Vân (ĐV)	Phụ trách Y tế	Tổ phó tổ Văn phòng. Kiểm tra thực phẩm. Hồ sơ bán trú.	
7	Trần Hoàng Wi Thành Định	Phụ trách Thư viện	Tổ trưởng tổ Văn phòng	

8	Trần Thiên Phú	Phụ trách Thiết bị		
9	Phạm Thanh Trúc	Phụ trách Văn thư	Thủ quỹ	
10	Trần Hoài Phong (ĐV)	Hỗ trợ công tác bán trú		
11	Lê Thị Ngọc Giàu	Nhân viên CNTT		Dạy Tin học lớp 2.6 đến 2.9 (8 tiết)
12	Trần Thị Thanh Tùng	Nhân viên phục vụ		
13	Trần Thị Ngọc Liên	Nhân viên phục vụ		
14	Trần Thị Thu Thảo	Nhân viên phục vụ		
15	Diệp Mỹ Trinh	Nhân viên phục vụ		
16	Lê Trọng Hiếu	Nhân viên bảo vệ		
17	Hà Nguyễn Quang Vinh	Nhân viên bảo vệ		
18	Trương Minh Châu	Nhân viên bảo vệ		
19	Huỳnh Tuấn Khanh	Nhân viên bảo vệ		
20	Ngô Thị Tú Trinh (ĐV)	GVCN	Tổ trưởng Tổ 1	1.1
21	Trần Thị Phương Thảo	GVCN	Tổ phó Tổ 1	1.2
22	Hoàng Ngọc Như Thủy (ĐV)	GVCN	CTCĐ	1.3
23	Nguyễn Phương Thảo	GVCN		1.4
24	Nguyễn Thị Tú Liên	GVCN		1.5
25	Trần Thị Kim Thoa	GVCN		1.6
26	Đỗ Huỳnh Kim Phượng	GVCN		1.7
27	Nguyễn Phạm Anh Thư	GVCN		1.8
28	Nguyễn Phan Ngọc Hân (ĐV)	GVCN	Tổ trưởng Tổ 2	2.1
29	Lê Thị Hồng Hạnh	GVCN	Tổ phó Tổ 2	2.2
30	Nguyễn Hoàng Linh Phương (ĐV)	GVCN		2.3
31	Trần Thị Huệ (ĐV)	GVCN		2.4
32	Nguyễn Thị Thanh Vy	GVCN		2.5
33	Ngô Nguyễn Hoài Thương	GVCN		2.6
34	Nguyễn Ngọc Phương Anh	GVCN		2.7
35	Lê Hoàng Cẩm Vy	GVCN		2.8
36	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	GVCN		2.9
37	Bùi Thị Bảo Vân (ĐV)	GVCN	Tổ trưởng Tổ 3	3.1
38	Nguyễn Lâm Tuyết Ngọc	GVCN	Tổ phó Tổ 3	3.2
39	Phạm Thị Hiên	GVCN		3.3
40	Nguyễn Thị Thanh Nhi	GVCN		3.4
41	Nguyễn Hoàng Khánh Ngân	GVCN		3.5
42	Bùi Nguyễn Hoàng Quyên	GVCN		3.6

43	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	GVCN		3.7
44	Lữ Thị Ngọc Hân (ĐV)	GVCN	Tổ trưởng Tổ 4	4.1
45	Lê Thị Mỹ Uyên	GVCN	Tổ phó Tổ 4	4.2
46	Ngô Hoàng Chiến	GVCN	TBTND	4.3
47	Nguyễn Thị Hà Phương	GVCN		4.4
48	Huỳnh Thanh Tuyền (ĐV)	GVCN		4.5
49	Nguyễn Thị Hồng Trang	GVCN		4.6
50	Trần Thị Mỹ Duyên	GVCN		4.7
51	Đoàn Ngọc Trà My	GVCN		4.8
52	Nguyễn Thị Minh Phương	GVCN		4.9
53	Nguyễn Thị Phương Duyên	GVCN		4.10
54	Lưu Trường Chinh	GVCN		4.11
55	Lê Thị Ngọc Trâm	GVCN	Tổ trưởng Tổ 5	5.1
56	Thạch Thị Thanh Tuyền	GVCN	Tổ phó Tổ 5	5.2
57	Trần Mỹ Nga (ĐV)	GVCN		5.3
58	Hà Anh Tuấn (ĐV)	GVCN		5.4
59	Nguyễn Thị Diễm Trinh	GVCN		5.5
60	Lê Thị Hải Vân	GVCN		5.6
61	Trần Nguyễn Bích Ngọc	GVCN		5.7
62	Ngô Quang Bình	GVCN	BTCĐ-Thư ký Hội đồng	5.8
63	Trần Hoàng Xuân Ly	GVCN		5.9
64	Nguyễn Thị Thanh Trúc	GVCN		5.10
65	Lữ Thị Lệ Thắm (ĐV)	Giáo viên Tin học	Tổ trưởng Tổ Bộ môn	Khối 3, 4 (18 tiết)
66	Nguyễn Thị Bích Thủy	Giáo viên Tin học		Khối 5 và lớp 2.1 đến 2.5 (30 tiết)
67	Đinh Thị Cúc	Giáo viên Mỹ thuật		Khối 4 và 5 (21 tiết)
68	Lê Thị Minh Châu	Giáo viên Mỹ thuật		Khối 1, 2, 3 (24 tiết)
69	Trương Thất Thuyết	Giáo viên Thể dục		Dạy khối 5 (20 tiết) và lớp 4.5, 4.6, 4.7 (6 tiết).
70	Huỳnh Thanh Tuyền	Giáo viên Thể dục		Dạy khối 1, 2 (17 tiết) và lớp 4.8 đến 4.11 (8 tiết)
71	Trần Hoàng Wi Thanh Định (ĐV)	Giáo viên TA	Tổ trưởng Tổ tiếng Anh	Dạy lớp 3.5, 3.6, 4.9, 4.10, 4.11 (30 - 10 = 20 tiết)
72	Trần Thị Hoàng Dung	Giáo viên TA	Tổ phó Tổ tiếng Anh	Dạy lớp 3.7, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8 (30 - 10 = 20 tiết)
73	Thái Thái Khánh Linh	Giáo viên TA		Dạy lớp 3.3, 3.4, 5.9, 5.10 (28 - 8 = 20 tiết)
74	Đỗ Ngọc Thiên Hương	Giáo viên TA		Dạy lớp 1.6, 1.7, 4.8 5.3, 5.4 (24 - 8 = 16 tiết)

75	Lê Ngọc Hằng	Giáo viên TA		Dạy lớp 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 4.3, 4.4 (28 - 12 = 16 tiết)
76	Nguyễn Minh Thương	Giáo viên TA		Dạy lớp 1.3, 1.4, 1.5, 5.5, 5.6 (28 - 10 = 18 tiết)
77	Nguyễn Thị Yến Nhi	Giáo viên TA		Dạy lớp 2.3, 2.4, 2.5, 5.7, 5.8 (28 - 10 = 18 tiết)
78	Nguyễn Thị Ngọc Thu	GV dạy nhạc		Khối 5 (10 tiết)
79	Phạm Nữ Thủy Tiên	GVĐK	Hộ sản từ 04/5/23 đến 04/11/23	Sinh hoạt tổ 1
80	Tô Thị Bích Hân	GVĐK	Hộ sản từ 20/6/23 đến 20/12/23	Sinh hoạt tổ 3
81	Vũ Khánh Đình	GVĐK	Hộ sản từ .../.../23 đến .../.../24	Sinh hoạt tổ 3
82	Khâu Thị Hoa	Cấp dưỡng	Tổ trưởng Tổ cấp dưỡng	
83	Nguyễn Thị Trâm	Cấp dưỡng	Bếp trưởng	
84	Khâu Thị Huyền	Cấp dưỡng	Bếp phó	
85	Phan Thị Yến Hương	Cấp dưỡng		
86	Trần Thị Kim Loan	Cấp dưỡng		
87	Ngô Thị Minh Hiếu	Cấp dưỡng		
88	Huỳnh Thị Tuyết Đào	Cấp dưỡng		
89	Lê Thị Quý	Cấp dưỡng		
90	Phạm Thị Ngọc Lành	Cấp dưỡng		
91	Nguyễn Thị Kim Chi	Cấp dưỡng		
92	Tô Thị Kim Anh	Cấp dưỡng		
93	Đào Thị Thu Hương	Cấp dưỡng		
94	Trần Thị Thủy Trang	Cấp dưỡng		
95	Lê Thị Hồng	Cấp dưỡng		
96	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	Cấp dưỡng		
97	Lê Thị Thiệt	Cấp dưỡng		



HIỆU TRƯỞNG

Cao Minh Hải Bằng